

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM  
KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ  
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2040**

*(Kèm theo Quyết định số 4300/QĐ-ĐHSP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)*

Thái Nguyên, năm 2025

## DANH MỤC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

| TT | CỤM TỪ VIẾT TẮT ĐẦY ĐỦ | VIẾT TẮT |
|----|------------------------|----------|
| 1  | Công nghệ thông tin    | CNTT     |
| 2  | Chuẩn đầu ra           | CĐR      |
| 3  | Chương trình đào tạo   | CTĐT     |
| 4  | Đại học Thái Nguyên    | ĐHTN     |
| 5  | Giáo dục công dân      | GDCD     |
| 6  | Giáo dục chính trị     | GDCT     |
| 7  | Giáo dục và đào tạo    | GD&ĐT    |
| 8  | Giảng viên             | GV       |
| 9  | Khoa học công nghệ     | KHCN     |
| 10 | Nghiên cứu khoa học    | NCKH     |
| 11 | Nghiên cứu sinh        | NCS      |
| 12 | Sinh viên              | SV       |
| 13 | Tiến sĩ                | TS       |
| 14 | Trung học phổ thông    | THPT     |
| 15 | Tự đánh giá            | TĐG      |

## MỤC LỤC

| NỘI DUNG                                                                                  | Trang |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| <b>MỞ ĐẦU</b>                                                                             | 1     |
| <b>PHẦN 1. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU GIÁO DỤC, TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI</b> | 2     |
| 1.1. Sứ mạng                                                                              | 2     |
| 1.2. Tầm nhìn                                                                             | 2     |
| 1.3. Mục tiêu giáo dục                                                                    | 2     |
| 1.4. Triết lý giáo dục                                                                    | 2     |
| 1.5. Giá trị cốt lõi                                                                      | 3     |
| <b>PHẦN 2. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC</b>                                      | 4     |
| 2.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước                                                       | 4     |
| 2.2. Thực trạng phát triển giai đoạn 2021 - 2025                                          | 7     |
| <b>PHẦN 3. KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026 – 2030</b>                       | 23    |
| 3.1. Các căn cứ để xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển                                | 23    |
| 3.2. Chiến lược công tác tổ chức bộ máy và đội ngũ                                        | 24    |
| 3.3. Chiến lược công tác đào tạo, bồi dưỡng                                               | 25    |
| 3.4. Chiến lược công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế                             | 27    |
| 3.5. Chiến lược công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục                          | 30    |
| 3.6. Chiến lược công tác người học                                                        | 32    |
| <b>PHẦN 4. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2040</b>                                                      | 35    |
| 4.1. Mục tiêu chiến lược phát triển giai đoạn 2030-2040                                   | 35    |
| 4.2. Chiến lược phát triển đến năm 2040                                                   | 35    |
| <b>PHẦN 5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b>                                                          | 38    |

## MỞ ĐẦU

Khoa Giáo dục Chính trị tiền thân là Khoa Giáo dục Chính trị và lý luận Mác - Lênin được thành lập theo Quyết định 156/QĐ-TCCB ngày 05/8/1995 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên. Nhiệm vụ của Khoa là giảng dạy các môn Lý luận Chính trị, Pháp luật đại cương cho sinh viên toàn trường; đào tạo sinh viên chuyên ngành cử nhân sư phạm Giáo dục Chính trị; Cao học chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lý luận chính trị; tổ chức nghiên cứu khoa học; bồi dưỡng giáo viên phổ thông và thực hiện các nhiệm vụ chính trị khác theo chức năng, nhiệm vụ được nhà trường giao hàng năm.

Tính đến tháng 12/2025, Khoa Giáo dục chính trị có 18 cán bộ, giảng viên (gồm 8 tiến sĩ, 9 thạc sĩ, 01 cử nhân); tổng số người học các hệ đào tạo của Khoa là 156 người (trong đó 119 sinh viên chính quy, 23 học viên cao học, 14 sinh viên liên thông đại học hệ VLVH). Hiện tại, khoa đang đảm nhiệm đào tạo: đại học chuyên ngành Giáo dục Chính trị, Giáo dục công dân (chính quy, vừa làm vừa học) và sau đại học chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lý luận chính trị.

Để có những định hướng phát triển trong giai đoạn mới; đồng thời triển khai Công văn số 1713/ĐHSP-ĐBCLGD ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển cấp khoa giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2040, Khoa đã tiến hành các bước xây dựng Kế hoạch chiến lược cấp Khoa. Ngày 16/10/2025, nhóm công tác xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển cấp khoa giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến 2040 được thành lập theo Quyết định 3030/QĐ-ĐHSP dựa trên đề xuất của Ban chủ nhiệm khoa. Trên cơ sở đánh giá bối cảnh tác động và thực trạng phát triển của Khoa giai đoạn 2020 - 2025 theo các lĩnh vực công tác, Nhóm soạn thảo tiến hành xây dựng dự thảo Kế hoạch chiến lược phát triển của khoa giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2040. Dự thảo đã được lấy ý kiến của giảng viên, người lao động trong Khoa cùng các phòng, ban chức năng trong Trường.

Kế hoạch chiến lược phát triển của Khoa Giáo dục Chính trị giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040 là các chương trình hành động tổng quát, kế hoạch triển khai và phân bổ các nguồn lực quan trọng để đạt được các mục tiêu cơ bản, toàn diện và lâu dài, giúp Khoa Giáo dục Chính trị phát triển ổn định, bền vững trong giai đoạn mới.

Việc thực hiện kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040 sẽ giúp Khoa Giáo dục Chính trị phát huy được lợi thế, tiềm năng cũng như huy động được tối đa các nguồn lực để có những bước đi vững chắc, càng ngày càng phát triển vững mạnh hơn.

Kế hoạch này cũng đồng thời được xây dựng trên cơ sở đảm bảo phù hợp với Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2040 của trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

## Phần 1

# SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU GIÁO DỤC, TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

### 1.1. Sứ mạng

Khoa Giáo dục Chính trị có sứ mạng đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo giảng dạy giáo dục công dân, giáo dục chính trị, cán bộ làm công tác giáo dục lý luận chính trị có phẩm chất, năng lực, bản lĩnh nghề nghiệp; nghiên cứu, chuyển giao tri thức khoa học chính trị và giáo dục nhằm góp phần xây dựng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên thành cơ sở giáo dục hàng đầu trong đào tạo đại học, sau đại học; đồng thời đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh đổi mới, hội nhập và phát triển.

### 1.2. Tầm nhìn

Đến năm 2040, Khoa Giáo dục Chính trị trở thành đơn vị đào tạo - nghiên cứu có ảnh hưởng trong cả nước về khoa học giáo dục, khoa học chính trị và lý luận Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; có khả năng kết nối quốc tế trong lĩnh vực giáo dục chính trị và khoa học xã hội - nhân văn.

### 1.3. Mục tiêu giáo dục

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong lĩnh vực giáo dục công dân, giáo dục chính trị có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức và kỹ năng chuyên môn sâu, rộng; có năng lực tư duy phản biện, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp; giải quyết được yêu cầu của lý luận và thực tiễn giáo dục; có tinh thần học tập suốt đời; có năng lực số và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc và hội nhập quốc tế.

### 1.4. Triết lý giáo dục

#### **Học để làm người - Học để phụng sự - Học để kiến tạo giá trị**

Nội dung của triết lý:

- Học để làm người là đề cao phát triển nhân cách, đạo đức, bản lĩnh chính trị của người cán bộ.
- Học để phụng sự là hướng tới trách nhiệm với cộng đồng, đất nước, sự nghiệp giáo dục và sự tiến bộ của xã hội.
- Học để kiến tạo giá trị là khuyến khích tư duy sáng tạo, độc lập, khả năng thích ứng và đổi mới trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập toàn cầu.

### **1.5. Giá trị cốt lõi**

#### **Chính trực, Trách nhiệm, Nhân văn, Sáng tạo, Hội nhập.**

1. Chính trực: Thể hiện bản lĩnh chính trị, trung thực, kiên định với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
2. Trách nhiệm: Tận tâm với người học, với nghề, với cộng đồng và xã hội.
3. Nhân văn: Tôn trọng con người, đề cao sự tử tế và tinh thần chia sẻ với cộng đồng.
4. Sáng tạo: Chủ động thích ứng, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số và mô hình dạy học, giáo dục tiên tiến.
5. Hội nhập: Mở rộng hợp tác, phát huy năng lực kết nối và tiếp cận tri thức toàn cầu.

## Phần 2

### BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

#### 2.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước

##### 2.1.1. Bối cảnh quốc tế

Trong giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040, thế giới tiếp tục chịu tác động sâu sắc của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với những bước phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn, Internet vạn vật, công nghệ số và kinh tế tri thức.

Cùng với đó là xu thế toàn cầu hóa diễn ra sâu rộng nhưng ngày càng phức tạp, đan xen với các yếu tố bất ổn như biến đổi khí hậu, thiên tai cực đoan, xung đột địa chính trị, cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia và nguy cơ xuất hiện các dịch bệnh mới. Những yếu tố này tiếp tục tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục đại học.

Bối cảnh mới đặt ra sự thay đổi rõ nét trong vai trò của các chính phủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đại học, chuyển từ mô hình đào tạo truyền thống sang mô hình đại học đổi mới sáng tạo, đại học số và đại học gắn với phục vụ cộng đồng. Nhu cầu học tập theo hướng đại chúng hóa giáo dục đại học tiếp tục gia tăng, đồng thời yêu cầu học tập suốt đời, học tập linh hoạt, học tập cá nhân hóa trở thành xu thế tất yếu đối với mỗi người lao động trong bối cảnh thị trường việc làm biến động liên tục.

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 với môi trường lao động số và toàn cầu đòi hỏi các quốc gia trong đó có Việt Nam phải phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực thích ứng, sáng tạo, khả năng học tập liên tục, tư duy phản biện và phẩm chất công dân toàn cầu. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với giáo dục đại học trong việc tiếp tục đổi mới toàn diện nội dung chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, phương thức quản lý người học và hệ thống kiểm tra, đánh giá theo chuẩn đầu ra, gắn với yêu cầu thực tiễn và chuẩn mực quốc tế.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học – công nghệ tiếp tục làm thay đổi sâu sắc đời sống sản xuất và xã hội, thúc đẩy sự hình thành, phát triển mạnh mẽ nền kinh tế tri thức. Yêu cầu về “chất xám”, tri thức và năng lực đổi mới sáng tạo của con người, đặc biệt là người lao động, ngày càng trở nên cấp thiết. Giải quyết yêu cầu này không thể tách rời vai trò của giáo dục – đào tạo, nhất là giáo dục đại học, với tư cách là môi trường chủ yếu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, lực lượng nòng cốt quyết định năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia.

Sau giai đoạn chịu tác động nặng nề của đại dịch COVID-19, giáo dục thế giới bước vào thời kỳ phục hồi và chuyển đổi mạnh mẽ. Các mô hình giáo dục số, giáo dục mở, đào tạo trực tuyến, đào tạo kết hợp tiếp tục được phát triển và hoàn thiện, trở thành xu hướng lâu dài thay vì giải pháp tình thế. Lớp học truyền thống được tái cấu trúc theo hướng linh hoạt, tăng cường tương tác, cá nhân hóa việc học và ứng dụng công nghệ số.

Như vậy, bối cảnh quốc tế giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040 đòi hỏi sự phát triển của một nền giáo dục đại học mở, linh hoạt, số hóa, bảo đảm chất lượng, có khả năng thích ứng cao với mọi điều kiện, hoàn cảnh và nhu cầu đa dạng của người học.

### ***2.1.2. Bối cảnh trong nước***

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và trước những biến đổi nhanh chóng của khoa học - công nghệ và thị trường lao động, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục xác định đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là nhiệm vụ chiến lược lâu dài. Quan điểm coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt cho phát triển bền vững đất nước tiếp tục được khẳng định và cụ thể hóa trong các chiến lược, quy hoạch phát triển giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tiếp tục là kim chỉ nam cho quá trình đổi mới giáo dục trong giai đoạn tới, với định hướng chuyển mạnh từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực, phát triển hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời, chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Các chủ trương về tinh gọn bộ máy, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, trong đó có các trường sư phạm, tiếp tục được triển khai theo tinh thần các nghị quyết của Trung ương.

Hệ thống chính sách pháp luật về giáo dục đại học ngày càng được hoàn thiện, đặc biệt là việc ban hành và thực hiện Luật Nhà giáo; việc sửa đổi và thực hiện Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học cùng các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo hành lang pháp lý thông thoáng, tăng quyền tự chủ đại học gắn với trách nhiệm giải trình, thúc đẩy đổi mới quản trị, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Khung trình độ quốc gia, khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục là cơ sở quan trọng để các trường đại học điều chỉnh mục tiêu đào tạo, chương trình và chuẩn đầu ra, hướng tới tiệm cận chuẩn khu vực và quốc tế. Các đề án, chương trình quốc gia về nâng cao chất lượng giáo dục đại học, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyển đổi số trong giáo dục tiếp tục được triển khai mạnh mẽ trong giai đoạn 2026 - 2030.

Đối với đào tạo giáo viên, các chính sách hỗ trợ sinh viên sư phạm tiếp tục được rà soát, điều chỉnh theo hướng hiệu quả, bền vững, gắn với nhu cầu sử dụng giáo viên của các địa phương và yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông. Đây là điều kiện quan trọng để các cơ sở đào tạo giáo viên, trong đó có Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, ổn định quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo.

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, giáo dục đại học Việt Nam đang từng bước hình thành hệ sinh thái giáo dục số với các mô hình đào tạo trực tuyến, đào tạo kết hợp, trường đại học thông minh, góp phần đổi mới căn bản phương thức dạy - học, quản lý và đánh giá người học.

Đối với công tác giảng dạy các môn Lý luận chính trị trong các trường đại học, yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học ngày càng trở nên cấp thiết nhằm đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện, bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực tư duy và trách nhiệm công dân cho người học trong bối cảnh mới. Các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng và quy định của Nhà nước về giáo dục lý luận chính trị tiếp tục là cơ sở định hướng cho hoạt động đào tạo và giảng dạy của khoa Giáo dục Chính trị trong giai đoạn 2026 - 2030.

Những yếu tố nêu trên đã và đang tác động sâu sắc đến sự phát triển của giáo dục đại học nói chung và Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên nói riêng, trong đó có chuyên ngành Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn LLCT của Khoa Giáo dục Chính trị.

### ***2.1.3. Đánh giá tác động chung đến sự phát triển của Khoa Giáo dục Chính trị***

Bối cảnh quốc tế và trong nước giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040 đặt ra yêu cầu đối với Khoa Giáo dục Chính trị phải xây dựng chiến lược phát triển phù hợp, chủ động thích ứng với những biến động của thị trường lao động, yêu cầu hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và đổi mới giáo dục, cụ thể:

Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng trong xu hướng hội nhập: Nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm, ngoại ngữ, tin học và năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ cán bộ, giảng viên; tiếp tục phát triển và rà soát chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu kiểm định chất lượng; mở rộng hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục đại học, học viện trong và ngoài nước; từng bước xây dựng các chương trình liên kết đào tạo, thu hút sinh viên quốc tế và tạo điều kiện cho giảng viên tham gia học tập, nghiên cứu ở nước ngoài.

Chuẩn bị và đẩy mạnh chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra - đánh giá và nghiên cứu khoa học: Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý, công thông tin điện tử của Khoa; đẩy mạnh số hóa giáo trình, học liệu, bài giảng; phát triển hệ thống bài giảng E-learning, học liệu số phục vụ đào tạo trực tuyến và đào tạo kết hợp.

Đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo xu hướng công nghệ 4.0: Áp dụng các mô hình dạy học hiện đại, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học; tăng cường hướng dẫn phương pháp tự học, tư duy phản biện, năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn. Đối với giáo dục lý luận chính trị, cần bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, giữa nhận thức và hành động, đa dạng hóa phương pháp dạy học, tăng cường đối thoại, thảo luận và tương tác.

Tăng cường nghiên cứu khoa học gắn với nâng cao chất lượng đào tạo: Hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh theo các lĩnh vực mũi nhọn của Khoa; xây dựng cơ chế khuyến khích, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học, công bố quốc tế và chuyển giao tri thức.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý người học trong bối cảnh mới: Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý, tư vấn, hỗ trợ học tập và rèn luyện kỹ năng; đa dạng hóa các hoạt động ngoại khóa, kết nối với các cơ sở sử dụng lao động; xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, thân thiện, sáng tạo, giàu bản sắc văn hóa, góp phần hình thành và phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học.

## **2.2. Thực trạng phát triển giai đoạn 2021 - 2025**

### **2.2.1. Công tác tổ chức bộ máy và đội ngũ**

#### *a) Những kết quả đạt được*

Trong giai đoạn 2020–2025, Khoa Giáo dục Chính trị đã từng bước kiện toàn và duy trì ổn định cơ cấu tổ chức bộ máy, đáp ứng yêu cầu quản lý, đào tạo và phát triển đội ngũ. Cơ cấu tổ chức của Khoa gồm đầy đủ các bộ phận theo quy định, bao gồm: Hội đồng khoa; Ban Chủ nhiệm Khoa (01 Trưởng khoa, 01 Phó Trưởng khoa); 02 bộ môn chuyên môn; Chi bộ Đảng Khoa Giáo dục Chính trị; các tổ chức chính trị – xã hội và đoàn thể quần chúng (Công đoàn bộ phận, Liên chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên chi Hội Sinh viên Khoa).

Đội ngũ cán bộ, giảng viên của Khoa về cơ bản được duy trì ổn định về số lượng trong giai đoạn 2021 - 2025. Tính đến tháng 12/2025, Khoa có 18 cán bộ, trong đó có 17 giảng viên và 01 cán bộ văn phòng. Số lượng giảng viên có sự dao động nhẹ qua các năm (từ 18 giảng viên giai đoạn 2021 - 2023 xuống còn 17 giảng viên từ năm 2024 - 2025); không có người được phong hàm PGS; số lượng tạo nguồn mới chưa thực hiện được. Tuy vậy, trong những năm qua Khoa vẫn bảo đảm thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên từng bước được nâng cao. Số lượng giảng viên có học vị tiến sĩ tăng dần qua các năm, từ 7 tiến sĩ năm 2021 lên 8 tiến sĩ năm 2023 và đạt 9 tiến sĩ vào năm 2025; tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm khoảng 53% tổng số giảng viên. Đội ngũ giảng viên trình độ thạc sĩ có xu hướng giảm tương ứng với quá trình đào tạo nâng cao trình độ tiến sĩ, phản ánh sự dịch chuyển tích cực về chất lượng đội ngũ.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ được Khoa quan tâm triển khai thường xuyên. Trong giai đoạn 2021–2025, Khoa đã cử nhiều giảng viên đi học nghiên cứu sinh; một số giảng viên đã hoàn thành chương trình đào tạo và được công nhận học vị tiến sĩ. Công tác bồi dưỡng về quản trị đại học, nghiệp vụ sư phạm và ngoại ngữ được thực hiện đồng bộ, với 100% giảng viên tham gia các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và tiếng Anh; cán bộ quản lý được cử tham gia các lớp bồi dưỡng về quản trị đại học hằng năm.

*Bảng 1: Thực trạng đội ngũ (tính đến 31/12 hàng năm) giai đoạn 2021-2025*

| TT | Nội dung   | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|----|------------|------|------|------|------|------|
| 1  | Giảng viên | 18   | 18   | 18   | 17   | 17   |
| 2  | Văn phòng  | 1    | 1    | 1    | 1    | 1    |
| 3  | TS         | 7    | 7    | 8    | 7    | 9    |
| 4  | Thạc sĩ    | 11   | 11   | 10   | 10   | 8    |

*Bảng 2: Số liệu Đào tạo đội ngũ giai đoạn 2021-2025*

*(Chú thích: Năm 2024 có 01 TS tốt nghiệp TS ở nước ngoài chuyển đi)*

| TT | Nội dung           | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|----|--------------------|------|------|------|------|------|
| 1  | Cử đi học NCS      | 4    | 4    | 6    | 6    | 4    |
| 2  | Tốt nghiệp tiến sĩ |      |      | 1    | 2    |      |

*Bảng 3: Số liệu bồi dưỡng đội ngũ giai đoạn 2016-2020*

| TT | Nội dung         | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|----|------------------|------|------|------|------|------|
| 1  | Quản trị đại học | 1    | 1    | 1    | 1    | 1    |
| 2  | Tiếng Anh        | 15   | 15   | 15   | 15   | 15   |
| 3  | Nghệ vụ sư phạm  | 17   | 17   | 17   | 17   | 17   |

#### *b) Đánh giá chung*

##### *\* Điểm mạnh*

- Cơ cấu tổ chức bộ máy của Khoa được xây dựng đầy đủ, rõ ràng, phù hợp với quy định và yêu cầu thực tiễn; hoạt động quản lý, điều hành của Khoa cơ bản ổn định, thống nhất với định hướng chung của Nhà trường trong giai đoạn 2020–2025.

- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Khoa có trình độ chuyên môn và lý luận chính trị cao; được đào tạo bài bản, thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

- Trình độ đội ngũ giảng viên từng bước được nâng lên, thể hiện qua việc gia tăng số lượng giảng viên có học vị tiến sĩ và duy trì tỷ lệ tiến sĩ ở mức tương đối cao so với mặt bằng chung.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ được triển khai thường xuyên, đồng bộ; 100% giảng viên được tham gia các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và ngoại ngữ, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn và thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Đội ngũ giảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giảng viên sư phạm và từng bước thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục đại học và giáo dục phổ thông.

**\* Điểm tồn tại**

- Quy mô đội ngũ giảng viên có xu hướng giảm nhẹ trong giai đoạn 2024–2025; chất lượng đội ngũ chưa thật sự đồng đều giữa các bộ môn và lĩnh vực chuyên môn.

- Việc một giảng viên tốt nghiệp tiến sĩ ở nước ngoài chuyển công tác sang đơn vị khác trong năm 2024 đã ảnh hưởng đến cơ cấu và chất lượng đội ngũ, đặc biệt là tỷ lệ giảng viên được đào tạo ở nước ngoài.

- Công tác tạo nguồn, quy hoạch và bổ sung đội ngũ giảng viên kế cận chưa đạt chỉ tiêu đề ra; số lượng nghiên cứu sinh tốt nghiệp tiến sĩ trong giai đoạn còn hạn chế so với kế hoạch; trong giai đoạn 2020 - 2025 không có GV được phong hàm PGS.

- Một bộ phận giảng viên còn hạn chế về năng lực nghiên cứu khoa học và ngoại ngữ, nhất là trong công bố quốc tế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu hội nhập và phát triển.

- Tiến độ học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ của một số giảng viên còn chậm; năng lực đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra – đánh giá và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học của một bộ phận giảng viên chưa theo kịp yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

### ***2.2.2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng***

#### ***a) Những kết quả đạt được***

- Hệ thống các văn bản quản lý liên quan đến công tác đào tạo được Khoa tiếp nhận, triển khai và phổ biến đầy đủ đến toàn thể giảng viên, học viên và sinh viên; công tác quản lý đào tạo được thực hiện thống nhất, đúng quy định.

- Khoa đã triển khai hình thức dạy học trực tuyến kết hợp với dạy học trực tiếp; 100% học phần được tổ chức dạy học bằng việc kết hợp các hình thức tổ chức khác nhau (trên lớp, ngoài lớp, trực tuyến...), trong đó khoảng 20% học phần được giảng dạy Elearning.

- Khoa đã mở mới chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Giáo dục công dân (GDGD) và mở thêm các lớp đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, góp phần đa dạng hóa loại hình đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Hằng năm, Khoa chủ động phối hợp với Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Thái Nguyên; đồng thời tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh.

- Chương trình đào tạo, nội dung và phương pháp giảng dạy từng bước được đổi mới theo hướng hiện đại, tiếp cận Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; các chương trình đào tạo đại học và sau đại học được rà soát, điều chỉnh theo lộ trình.

- Công tác tổ chức đào tạo ngày càng được cải thiện, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo theo hệ thống tín chỉ: 100% học phần có đề cương môn học được thiết kế theo hướng đổi mới, bảo đảm đầy đủ giáo trình và tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập.

- Khoa đã đẩy mạnh xây dựng và triển khai giảng dạy theo hình thức E-learning: có 14 học phần được xây dựng với chất lượng tốt, được Hội đồng nghiệm thu của Nhà trường thẩm định và đưa vào sử dụng.

- Hằng năm, Khoa chủ động phối hợp với các trường phổ thông tổ chức cho sinh viên thực hành, thực tế chuyên môn và thực tập sư phạm theo đúng nội dung và yêu cầu của chương trình đào tạo.

- Công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên và giảng viên được chú trọng: 100% các chuyên đề bồi dưỡng do cấp trên giao đều được biên soạn đầy đủ tài liệu, khoảng 50% giảng viên của Khoa tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng.

- Khoa đã tăng cường các biện pháp quản lý hoạt động học tập của người học, thực hiện tốt việc theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên.

Nội dung, chỉ tiêu đã thực hiện được trong giai đoạn 2020-2025:

| TT | Nội dung chiến lược                                                                                      | Chỉ tiêu giai đoạn 2020-2025                                               | Kết quả thực hiện được giai đoạn 2020-2025                          |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1  | Mở rộng thị trường tuyển sinh trong nước; Phối kết hợp với Nhà trường thực hiện các biện pháp thu hút SV | Quy mô đào tạo đạt từ 300 - 350 sinh viên. Trong đó, có từ 1-2 SV quốc tế. | - Quy mô đào tạo đạt 1/3 so với chỉ tiêu.<br>- Không có SV quốc tế. |

| TT | Nội dung chiến lược                                                                                                                                   | Chỉ tiêu giai đoạn 2020-2025                                                                                                                        | Kết quả thực hiện được giai đoạn 2020-2025                                                                                               |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | quốc tế đến học tại Khoa.                                                                                                                             |                                                                                                                                                     |                                                                                                                                          |
| 2  | Đánh giá hiệu quả của hoạt động tuyển sinh.                                                                                                           | Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh                                                                          | Hàng năm đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh                                                  |
| 3  | Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học.                                                                                                            | 100% học phần được tổ chức dạy học bằng việc kết hợp các hình thức tổ chức khác nhau: trên lớp, ngoài lớp, trực tuyến...                            | 100% học phần được tổ chức dạy học bằng việc kết hợp các hình thức tổ chức khác nhau: trên lớp, ngoài lớp, trực tuyến...                 |
| 4  | Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng tiếng Anh cho toàn thể giảng viên theo lộ trình.                                                                          | Phấn đấu 6-7 GV có thể tham gia giảng dạy học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh.                                                                     | Có 6 giảng viên có thể tham gia giảng dạy học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh.                                                          |
| 5  | Đẩy mạnh hoạt động triển khai xây dựng, giảng dạy theo hình thức E-learning với chất lượng tốt được thẩm định qua Hội đồng nghiệm thu của Nhà trường. | Phấn đấu 8-10 học phần được xây dựng, giảng dạy theo hình thức E-learning với chất lượng tốt được thẩm định qua Hội đồng nghiệm thu của Nhà trường. | 14 học phần được xây dựng, giảng dạy theo hình thức E-learning với chất lượng tốt được thẩm định qua Hội đồng nghiệm thu của Nhà trường. |
| 6  | Tăng cường các biện pháp quản lý hoạt động học tập của người học.                                                                                     | Xây dựng quy định theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.                          | Thực hiện tốt việc theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học               |
| 7  | Biên soạn tài liệu và tham gia bồi dưỡng cho giảng viên và giáo viên phổ thông theo các                                                               | 100% các chuyên đề bồi dưỡng do cấp trên giao biên soạn có tài liệu.                                                                                | 100% các chuyên đề bồi dưỡng do cấp trên giao thực hiện đều có tài liệu.                                                                 |

| TT | Nội dung chiến lược                                                | Chỉ tiêu giai đoạn 2020-2025                                                                                                                                                                                           | Kết quả thực hiện được giai đoạn 2020-2025                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|----|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | chương trình bồi dưỡng do cấp trên ban hành.                       | 50% giảng viên tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng                                                                                                                                                                    | 50 % giảng viên tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 8  | Rà soát CTĐT đại học và sau đại học.                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm 2021, rà soát CTĐT trình độ sau đại học</li> <li>- Năm 2022, điều chỉnh và bổ sung quy định phát triển CTĐT</li> <li>- Năm 2024, rà soát CTĐT trình độ đại học</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã rà soát định kỳ CTĐT trình độ sau đại học theo quy định.</li> <li>- Năm 2022 hoàn thành đánh giá ngoài CTĐT cử nhân GDCT chu kỳ 1</li> <li>- Đã thực hiện rà soát CTĐT cử nhân GDCT theo lộ trình, đúng quy định</li> <li>- Xây dựng mới CTĐT cử nhân GDCT</li> <li>- Thực hiện góp ý điều chỉnh, bổ sung quy định phát triển CTĐT</li> </ul> |
| 9  | Nâng cao hiệu quả của hoạt động dạy học trực tuyến.                | 30% các học phần được giảng dạy trực tuyến                                                                                                                                                                             | 20% các học phần có bài giảng E-learning được giảng dạy trực tuyến                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 10 | Tăng cường hoạt động dự giờ, đánh giá chất lượng giảng dạy của GV. | 100% giảng viên được dự giờ, đánh giá giờ giảng.                                                                                                                                                                       | 100% giảng viên được dự giờ, đánh giá giờ giảng theo quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

### *b) Đánh giá chung*

#### *\* Điểm mạnh*

- Công tác đào tạo được triển khai nghiêm túc, đúng quy chế và các quy định hiện hành; việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu chiến lược giai đoạn 2020 - 2025 cơ bản bám sát kế hoạch đã đề ra.

- Có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa Ban Chủ nhiệm Khoa, các Tổ chuyên môn và bộ phận trợ lý đào tạo trong tổ chức, quản lý và giám sát hoạt động đào tạo.

- Chất lượng đào tạo từng bước được nâng cao; các chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh kịp thời; mở mới chương trình đào tạo đại học chuyên ngành GDGD; 100% học phần có đề cương môn học được thiết kế theo hướng đổi mới, bảo đảm đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập.

- Hoạt động đổi mới phương thức dạy học đạt được những kết quả rõ nét; các hình thức dạy học kết hợp, dạy học trực tuyến và E-learning được triển khai đồng bộ.

- Khoa chú trọng công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ; đã có 6 giảng viên có khả năng tham gia giảng dạy học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh; hoạt động dự giờ, đánh giá chất lượng giảng dạy được thực hiện đầy đủ đối với 100% giảng viên theo quy định.

- Khoa tích cực tham gia bồi dưỡng giáo viên phổ thông, phối hợp với các nhà khoa học, giảng viên cao cấp trong giảng dạy và hướng dẫn luận văn thạc sĩ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sau đại

**\* Điểm tồn tại**

- Quy mô tuyển sinh chưa đạt chỉ tiêu đề ra; quy mô đào tạo mới đạt khoảng 1/3 so với kế hoạch, chưa thu hút được sinh viên quốc tế theo mục tiêu chiến lược.

- Công tác tuyển sinh trình độ sau đại học chưa đạt chỉ tiêu; sức hút của ngành đào tạo và cơ hội việc làm sau tốt nghiệp còn là thách thức.

- Mặc dù đã có giảng viên đủ năng lực giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh, song trên thực tế chưa có học phần nào được tổ chức giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh.

- Hoạt động dạy học trực tuyến và E-learning tuy đạt chỉ tiêu về số lượng nhưng chất lượng chưa thật đồng đều; số bài giảng E-learning có tính tương tác cao, đáp ứng đầy đủ yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy còn chưa nhiều.

### ***2.2.3. Công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế***

#### ***a) Những kết quả đạt được***

Trong giai đoạn 2020 - 2025, công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế của Khoa Giáo dục Chính trị đạt được nhiều kết quả tích cực, một số chỉ tiêu chiến lược được hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra.

Hoạt động công bố khoa học có bước phát triển rõ rệt cả về số lượng và chất lượng. Khoa đã công bố 95 bài báo khoa học, trong đó có 03 bài báo được đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus, góp phần từng bước nâng cao năng lực nghiên cứu và uy tín học thuật của đội ngũ giảng viên.

Việc triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp được chú trọng. Khoa đã tham gia 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước (thành viên chính);

chủ nhiệm 1 đề tài cấp tỉnh; chủ nhiệm 5 đề tài cấp cơ sở; tham gia 2 đề tài cấp tỉnh; tham gia 01 đề tài cấp bộ, tham gia 02 đề tài cấp ĐHTN; tham gia 02 đề tài cơ sở. Việc tham gia và chủ trì các đề tài ở các cấp cho thấy sự chủ động và nỗ lực của đội ngũ giảng viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

Công tác sản xuất học liệu điện tử phục vụ chuyển đổi số được triển khai hiệu quả. Khoa đã xây dựng 14 học phần còn lại có bài giảng E-learning, đạt và vượt chỉ tiêu chiến lược, góp phần hoàn thiện hệ thống học liệu số phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được quan tâm và có chuyển biến tích cực. Khoa đã hướng dẫn 24 đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên, vượt chỉ tiêu đề ra; hằng năm đều có đề tài tham gia giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học các cấp, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, tư duy khoa học và kỹ năng học thuật cho sinh viên.

Công tác chuyển giao tri thức khoa học trong lĩnh vực khoa học giáo dục bước đầu đạt kết quả, với việc ký kết 03 biên bản chuyển giao sản phẩm nghiên cứu khoa học, đáp ứng chỉ tiêu chiến lược đề ra cho giai đoạn.

Hoạt động xuất bản giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học được đẩy mạnh. Trong giai đoạn 2020 - 2025, Khoa đã xuất bản 14 giáo trình; 09 sách tham khảo, chuyên khảo, vượt chỉ tiêu chiến lược, góp phần bổ sung nguồn học liệu, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu.

Hoạt động học thuật được tăng cường thông qua việc tổ chức các hội thảo khoa học và seminar chuyên môn. Khoa đã tổ chức 05 hội thảo khoa học cấp Khoa và 08 seminar chuyên môn bằng tiếng Anh, vượt chỉ tiêu đề ra, tạo diễn đàn trao đổi học thuật, nâng cao năng lực nghiên cứu và sử dụng ngoại ngữ cho giảng viên.

Bên cạnh đó, Khoa đã chú trọng xây dựng môi trường sinh hoạt chuyên môn bằng tiếng Anh với 04 buổi sinh hoạt chuyên môn. Đồng thời, 100% giảng viên của Khoa đã tham gia các khóa bồi dưỡng về viết bài báo quốc tế góp phần nâng cao năng lực hội nhập của giảng viên trong nghiên cứu khoa học.

Nội dung, chỉ tiêu cụ thể đã thực hiện được trong NCKH giai đoạn 2020-2025:

| TT | Nội dung chiến lược                                           | Chỉ tiêu giai đoạn 2020-2025                                               | Kết quả thực hiện được giai đoạn 2020-2025                      |
|----|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1  | Công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học | - Công bố từ 90-100 bài báo khoa học (trong đó có 1-3 bài báo ISI/Scopus). | - Công bố từ 95 bài báo khoa học; trong đó có 3 bài báo Scopus. |

| TT | Nội dung chiến lược                                                    | Chỉ tiêu giai đoạn 2020-2025                                                                                                                                                | Kết quả thực hiện được giai đoạn 2020-2025                                                                                                                                                                                                                         |
|----|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | Thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1-2 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ và tương đương</li> <li>- 1-2 nhiệm vụ KHCN cấp Đại học</li> <li>- 5-6 nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia 1 đề tài NCKH cấp Nhà nước (thành viên chính)</li> <li>- Chủ nhiệm 1 đề tài cấp tỉnh; 5 đề tài cấp cơ sở</li> <li>- Tham gia 2 đề tài cấp tỉnh; 01 đề tài cấp bộ, 02 đề tài cấp ĐHTN; 02 đề tài cơ sở</li> </ul> |
| 3  | Sản xuất học liệu điện tử để phục vụ công tác chuyển đổi số của Trường | 8-10 học phần có bài giảng E-learning                                                                                                                                       | 14 học phần có bài giảng E-learning                                                                                                                                                                                                                                |
| 4  | Nghiên cứu khoa học của sinh viên                                      | Hướng dẫn 10-15 đề tài NCKH sinh viên. Mỗi năm có 01 đề tài tham gia giải thưởng SV NCKH các cấp                                                                            | Hướng dẫn 24 đề tài NCKH sinh viên. Mỗi năm có 01 đề tài tham gia giải thưởng sinh viên NCKH các cấp                                                                                                                                                               |
| 5  | Chuyển giao khoa học tri thức trong lĩnh vực khoa học giáo dục         | Ký kết 01-02 biên bản chuyển giao sản phẩm NCKH                                                                                                                             | Ký kết 03 biên bản chuyển giao sản phẩm                                                                                                                                                                                                                            |
| 6  | Xuất bản giáo trình, sách chuyên khảo phục vụ đào tạo và NCKH          | Xuất bản 15 giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo                                                                                                                         | Xuất bản 14 giáo trình, 9 sách tham khảo, chuyên khảo.                                                                                                                                                                                                             |
| 7  | Tổ chức hội thảo khoa học/Seminar                                      | 01-02 hội thảo khoa học cấp Khoa, 03 Seminar chuyên môn bằng tiếng Anh cấp Khoa.                                                                                            | Tổ chức 05 hội thảo khoa học cấp Khoa. 08 Seminar chuyên môn bằng tiếng Anh cấp Khoa.                                                                                                                                                                              |
| 8  | Xây dựng kế hoạch và lộ trình tăng cường các buổi sinh hoạt chuyên     | 03 sinh hoạt chuyên môn bằng tiếng Anh                                                                                                                                      | 04 sinh hoạt chuyên môn bằng tiếng Anh                                                                                                                                                                                                                             |

| TT | Nội dung chiến lược                                                                            | Chỉ tiêu giai đoạn 2020-2025                                            | Kết quả thực hiện được giai đoạn 2020-2025           |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
|    | môn bằng tiếng Anh tại các khoa                                                                |                                                                         |                                                      |
| 9  | Nâng cao năng lực hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, viết đề xuất dự án quốc tế cho GV | 50% GV tham gia các khóa bồi dưỡng viết báo, viết đề xuất dự án quốc tế | 100% GV tham gia các khóa bồi dưỡng viết báo quốc tế |

*b) Đánh giá chung*

**\* Điểm mạnh**

- Hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa được triển khai tương đối toàn diện, bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu chiến lược giai đoạn 2020 - 2025; nhiều chỉ tiêu quan trọng đạt và vượt kế hoạch đề ra.

- Số lượng công bố khoa học tăng mạnh, chất lượng từng bước được nâng cao, bước đầu có công bố quốc tế thuộc danh mục Scopus.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được quan tâm đúng mức, đạt kết quả tốt và vượt chỉ tiêu chiến lược.

- Công tác chuyển đổi số trong nghiên cứu và đào tạo được thúc đẩy thông qua việc xây dựng hệ thống bài giảng E-learning và học liệu số.

- Môi trường học thuật được mở rộng với nhiều hội thảo, seminar, sinh hoạt chuyên môn bằng tiếng Anh; năng lực ngoại ngữ và hội nhập quốc tế của giảng viên từng bước được nâng cao.

- Đội ngũ giảng viên tích cực tham gia các khóa bồi dưỡng về nghiên cứu khoa học, viết bài báo và xây dựng đề xuất dự án quốc tế.

**\* Điểm tồn tại**

- Một số chỉ tiêu về thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp chưa đạt kế hoạch, đặc biệt là số lượng đề tài cấp Đại học và cấp cơ sở; việc nghiệm thu đề tài cấp Đại học còn gặp khó khăn do yêu cầu cao về sản phẩm công bố quốc tế.

- Số lượng công bố quốc tế tuy đã có chuyển biến nhưng còn khiêm tốn so với tiềm năng và yêu cầu phát triển trong giai đoạn hội nhập sâu rộng.

- Hoạt động chuyển giao tri thức khoa học mới dừng ở mức khởi đầu, số lượng sản phẩm và biên bản chuyển giao còn hạn chế.

- Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học chủ yếu tập trung ở bồi dưỡng năng lực, chưa hình thành được nhiều dự án hợp tác nghiên cứu quốc tế cụ thể, có quy mô và tính bền vững.

#### **2.2.4. Công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục**

##### **a) Những kết quả đạt được**

Trong giai đoạn 2020 - 2025, công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục của Khoa được triển khai đồng bộ, bài bản, bám sát các chỉ tiêu chiến lược và yêu cầu đổi mới giáo dục, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo.

Khoa đã tích cực tham gia góp ý xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục. 100% văn bản liên quan đều có sự tham gia đóng góp ý kiến của cán bộ, giảng viên trong Khoa, qua đó bảo đảm tính thống nhất, phù hợp với thực tiễn đào tạo và các quy định hiện hành.

Chất lượng các bộ đề thi và ngân hàng câu hỏi được chú trọng nâng cao. Toàn bộ ngân hàng câu hỏi thi của các học phần được rà soát, bổ sung và điều chỉnh theo chu kỳ, bảo đảm đánh giá đúng năng lực người học và đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng được đẩy mạnh. 100% các bên liên quan (người học, giảng viên, cán bộ quản lý, đơn vị sử dụng lao động...) được khảo sát thông qua phần mềm, góp phần nâng cao tính khách quan, minh bạch và hiệu quả trong thu thập, xử lý dữ liệu phản hồi.

Công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo và đề cương học phần được thực hiện nghiêm túc. 100% đề cương các học phần được điều chỉnh theo chu kỳ, chú trọng đa dạng hóa các hình thức và phương pháp đánh giá nhằm phát triển năng lực toàn diện cho người học.

Hoạt động tự đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo được triển khai đúng lộ trình. Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Chính trị và chương trình đào tạo thạc sĩ được tự đánh giá theo chu kỳ mới; trong đó, chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Chính trị đã được kiểm định theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (chu kỳ 1). Chương trình đào tạo thạc sĩ chưa thực hiện kiểm định do chưa đến chu kỳ theo quy định.

Năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng từng bước được nâng cao. Hằng năm, Khoa cử ít nhất 02 cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về đảm bảo chất lượng giáo dục, vượt chỉ tiêu chiến lược đề ra.

Khoa đã xây dựng và triển khai kế hoạch đảm bảo chất lượng theo từng năm học; kế hoạch phổ biến và triển khai sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Khoa được thực hiện đầy đủ, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, giảng viên đối với công tác đảm bảo chất lượng.

Cơ sở dữ liệu về đảm bảo chất lượng trong Khoa được thiết lập và liên kết đồng bộ với các cơ sở dữ liệu của Nhà trường và các đơn vị trực thuộc. Hệ thống văn bản về đảm bảo chất lượng được số hóa 100%, bảo đảm tính hệ thống, cập nhật và dễ dàng tiếp cận.

Bên cạnh đó, Khoa thường xuyên giám sát việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm khắc phục các hạn chế, tồn tại đã được chỉ ra trong các báo cáo tự đánh giá; hằng năm đều có báo cáo giám sát kết quả thực hiện cải tiến chất lượng của đơn vị.

Nội dung, chỉ tiêu cụ thể đã thực hiện được giai đoạn 2020-2025:

| <b>TT</b> | <b>Nội dung chiến lược</b>                                                                                                                | <b>Chỉ tiêu giai đoạn 2020-2025</b>                                                                                  | <b>Đã thực hiện giai đoạn 2020-2025</b>                                                                              |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Tham gia góp ý xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục | 100% văn bản về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục được cán bộ, giảng viên trong Khoa đóng góp ý kiến. | 100% văn bản về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục được cán bộ, giảng viên trong Khoa đóng góp ý kiến. |
| 2         | Nâng cao chất lượng các bộ đề thi đánh giá năng lực người học; bổ sung, rà soát ngân hàng đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần.       | 100% ngân hàng câu hỏi thi được điều chỉnh theo chu kỳ                                                               | 100% ngân hàng câu hỏi thi được điều chỉnh theo chu kỳ                                                               |
| 3         | Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác khảo thí                                                                                          | 100% các bên liên quan được khảo sát thông qua phần mềm                                                              | 100% các bên liên quan được khảo sát thông qua phần mềm                                                              |
| 4         | Rà soát, điều chỉnh CTĐT, đề cương học phần nhằm điều chỉnh các loại hình đánh giá năng lực của người học                                 | 100% đề cương các học phần được điều chỉnh theo chu kỳ                                                               | 100% đề cương các học phần được điều chỉnh theo chu kỳ                                                               |
| 5         | Tự đánh giá CTĐT cử nhân GDCT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT                                                                                | CTĐT cử nhân GDCT được TĐG                                                                                           | CTĐT cử nhân GDCT được tự đánh giá theo chu kỳ                                                                       |
| 6         | Tự đánh giá CTĐT thạc sĩ theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT                                                                                     | CTĐT thạc sĩ được TĐG                                                                                                | CTĐT thạc sĩ được tự đánh giá theo chu kỳ mới.                                                                       |

| <b>TT</b> | <b>Nội dung chiến lược</b>                                                                                                          | <b>Chỉ tiêu giai đoạn 2020-2025</b>                                                                         | <b>Đã thực hiện giai đoạn 2020-2025</b>                                                                   |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7         | Kiểm định CTĐT cử nhân GDCT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT                                                                            | CTĐT cử nhân GDCT được kiểm định theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT                                               | CTĐT cử nhân GDCT được kiểm định theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT chu kỳ 1                                    |
| 8         | Kiểm định CTĐT thạc sĩ theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT                                                                                 | CTĐT thạc sĩ được kiểm định theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT                                                    | CTĐT thạc sĩ chưa được kiểm định theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT vì chưa đến chu kỳ                          |
| 9         | Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác Trợ lý khảo thí                                                                               | Hàng năm, cử ít nhất 1-2 cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục | Hàng năm, cử ít nhất 2 cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục |
| 10        | Xây dựng và triển khai kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2020-2025 và theo từng năm học                                                       | Kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2020-2025 và Kế hoạch ĐBCL hàng năm được triển khai và thực hiện                    | Kế hoạch ĐBCL hàng năm được triển khai và thực hiện                                                       |
| 11        | Xây dựng kế hoạch phổ biến và triển khai sứ mạng, tầm nhìn và KHCL của Khoa                                                         | Kế hoạch được xây dựng và triển khai thực hiện                                                              | Kế hoạch được xây dựng và triển khai thực hiện                                                            |
| 12        | Thiết lập cơ sở dữ liệu về đảm bảo chất lượng, đảm bảo liên kết được với các cơ sở dữ liệu khác của Trường và các đơn vị trực thuộc | Cơ sở dữ liệu về đảm bảo chất lượng trong khoa được liên kết đồng bộ với các đơn vị khác trong trường       | Cơ sở dữ liệu về đảm bảo chất lượng trong khoa được liên kết đồng bộ với các đơn vị khác trong trường     |
| 13        | Giám sát thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm khắc phục các hạn chế, tồn tại đã                                              | Báo cáo giám sát hàng năm kết quả thực hiện cải tiến chất lượng của đơn vị                                  | Báo cáo giám sát hàng năm kết quả thực hiện cải tiến chất lượng của đơn                                   |

| TT | Nội dung chiến lược                                                                        | Chỉ tiêu giai đoạn 2020-2025                                                               | Đã thực hiện giai đoạn 2020-2025                                                      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|    | được chỉ ra trong báo cáo tự đánh giá của Khoa                                             |                                                                                            | vì                                                                                    |
| 14 | Số hóa hệ thống văn bản về đảm bảo chất lượng đảm bảo có hệ thống, cập nhật và dễ tiếp cận | 100% văn bản về đảm bảo chất lượng được số hóa theo hệ thống, dễ dàng cập nhật và tiếp cận | 100% văn bản về đảm bảo chất lượng được số hóa theo hệ thống, dễ cập nhật và tiếp cận |

*b) Đánh giá chung*

**\* Điểm mạnh**

- Công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục được triển khai đồng bộ, tuân thủ nghiêm túc các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

- Hầu hết các chỉ tiêu chiến lược giai đoạn 2020 - 2025 đều được hoàn thành, nhiều nội dung đạt 100% theo kế hoạch đề ra.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong khảo thí, khảo sát và quản lý dữ liệu đảm bảo chất lượng được thực hiện hiệu quả, góp phần nâng cao tính minh bạch và độ tin cậy của kết quả đánh giá.

- Hoạt động tự đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo được triển khai đúng lộ trình, tạo nền tảng cho việc cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

- Đội ngũ cán bộ phụ trách công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng được quan tâm bồi dưỡng, từng bước đáp ứng yêu cầu chuyên môn.

**\* Điểm tồn tại**

- Kế hoạch đảm bảo chất lượng mới được xây dựng và triển khai chủ yếu theo từng năm học; việc hoàn thiện và triển khai đầy đủ kế hoạch đảm bảo chất lượng cho cả giai đoạn 2020 - 2025 chưa thật sự đồng bộ.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ chưa được kiểm định theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo do chưa đến chu kỳ, dẫn đến việc đánh giá chất lượng bên ngoài còn hạn chế.

- Việc khai thác, phân tích sâu dữ liệu khảo sát phục vụ cải tiến chất lượng chưa thực sự đồng đều giữa các bộ phận, cần tiếp tục được nâng cao trong giai đoạn tới.

### **2.2.5. Công tác người học**

#### **a) Những kết quả đạt được**

Trong giai đoạn 2020 - 2025, công tác sinh viên của Khoa được triển khai tương đối toàn diện, bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu chiến lược đã đề ra. Khoa đã chú trọng giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho sinh viên thông qua việc cử sinh viên tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, chuyên đề định hướng do cấp trên tổ chức; đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai nhiều hoạt động tuyên truyền, giáo dục phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Các hoạt động hỗ trợ sinh viên học tập, rèn luyện và phát triển kỹ năng được thực hiện đồng bộ. 100% sinh viên được tham gia các lớp, hoạt động phát triển kỹ năng mềm, tập huấn cán bộ Đoàn - Hội; nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tình nguyện vì cộng đồng được tổ chức, góp phần tạo môi trường học tập, rèn luyện tích cực cho người học.

Công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên trước và sau tốt nghiệp được triển khai đầy đủ, bảo đảm 100% sinh viên được tiếp cận các thông tin cần thiết về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, yêu cầu kiểm tra - đánh giá và các quy định liên quan. Hoạt động kết nối cựu sinh viên bước đầu được hình thành và duy trì thông qua việc xây dựng, cập nhật thường xuyên trang thông tin điện tử và mạng xã hội của Ban liên lạc cựu sinh viên; tổ chức các hoạt động gặp gỡ, đóng góp ý kiến xây dựng, phát triển Khoa.

Bên cạnh đó, Khoa đã quan tâm tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tạo điều kiện để sinh viên tham gia các lớp tập huấn, ngày hội việc làm và các hoạt động kết nối với nhà tuyển dụng do Nhà trường tổ chức.

#### **b) Đánh giá chung**

##### **\* Điểm mạnh**

- Công tác sinh viên được triển khai đồng bộ, bám sát mục tiêu chiến lược giai đoạn 2020 - 2025; nhiều chỉ tiêu đạt và hoàn thành đúng kế hoạch đề ra.

- Hoạt động giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho sinh viên được chú trọng, thực hiện thường xuyên thông qua nhiều hình thức khác nhau.

- Các hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, phát triển kỹ năng mềm và tư vấn sinh viên trước - sau tốt nghiệp được thực hiện đầy đủ, bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ của người học.

- Công tác phối hợp giữa Khoa với các đơn vị chức năng của Nhà trường trong quản lý, hỗ trợ và tổ chức hoạt động cho sinh viên được thực hiện chặt chẽ, hiệu quả.

- Bước đầu hình thành và duy trì được mạng lưới kết nối cựu sinh viên, góp phần hỗ trợ công tác đào tạo và công tác sinh viên.

\* Điểm tồn tại

- Một số hoạt động giáo dục, tuyên truyền cho sinh viên vẫn còn thiên về hình thức, chiều sâu và tính lan tỏa chưa đồng đều giữa các khóa học.

- Hoạt động kết nối cựu sinh viên tuy đã được triển khai nhưng hiệu quả chưa cao, chưa khai thác được nhiều nguồn lực hỗ trợ thiết thực cho sinh viên đang học, đặc biệt trong định hướng nghề nghiệp và việc làm.

- Các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và kết nối doanh nghiệp chủ yếu phụ thuộc vào kế hoạch chung của Nhà trường, chưa có nhiều hoạt động chuyên sâu mang dấu ấn riêng của Khoa.

- Công tác theo dõi, đánh giá tác động lâu dài của các hoạt động công tác sinh viên đối với kết quả học tập, rèn luyện và việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên chưa được thực hiện một cách hệ thống.

### Phần 3

## KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

### 3.1. Các căn cứ để xây dựng Kế hoạch chiến lược

- Luật Giáo dục năm 2019 (sửa đổi năm 2025);
- Luật Giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi năm 2025 - có hiệu lực từ 1/1/2026);
- Luật Nhà giáo năm 2025;
- Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học;
- Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Quyết định số 2161/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục đào tạo đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;
- Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm; được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;
- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Sư phạm khóa XXI, nhiệm kỳ 2025-2030;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Kết luận số 91/KL-TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;
- Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân;

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

- Chương trình số 36/CTr/ĐU ngày 12/3/2025 của Đảng uỷ Trường Đại học Sư phạm, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Sư phạm lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2025-2030;

- Chương trình số 37/CTr/ĐU ngày 12/3/2025 của Đảng uỷ Trường Đại học Sư phạm, Chương trình công tác toàn khoá của Đảng uỷ Trường Đại học Sư phạm nhiệm kỳ 2025-2030;

- Nghị quyết số 107/NQ-HĐT ngày 04/12/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2040.

### **3.2. Chiến lược công tác tổ chức bộ máy và đội ngũ**

#### **3.2.1. Mục tiêu**

1) Tiếp tục kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng đội ngũ, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

2) Phát triển đội ngũ lãnh đạo, quản lý có bản lĩnh, năng lực và phẩm chất nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đổi mới và định hướng phát triển của Nhà trường trong giai đoạn mới.

3) Xây dựng đội ngũ giảng viên theo hướng chuẩn hoá và nâng cao chất lượng, tăng cường năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ và công nghệ thông tin, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao.

#### **3.2.2. Nội dung, chỉ tiêu thực hiện**

| <b>TT</b> | <b>Nội dung chiến lược</b>                                           | <b>Chỉ tiêu thực hiện đến 2030</b>                      |
|-----------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1         | Phối hợp với phòng chức năng rà soát, cập nhật Đề án vị trí việc làm | Thực hiện theo yêu cầu của cấp trên                     |
| 2         | Sắp xếp, kiện toàn các tổ bộ môn trong Khoa                          | Cơ cấu 03 tổ bộ môn ổn định, hoạt động hiệu quả         |
| 3         | Quy hoạch, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý cấp Khoa   | Bảo đảm nguồn quy hoạch 100% vị trí chủ chốt            |
| 4         | Tuyển thêm giảng viên đáp ứng yêu cầu đổi mới                        | Tuyển mới hợp đồng hoặc tạo nguồn ít nhất 06 giảng viên |
| 5         | Phát triển học hàm PGS                                               | Có ít nhất 01 giảng viên được công nhận PGS             |

| TT | Nội dung chiến lược                                          | Chỉ tiêu thực hiện đến 2030                                                                                           |
|----|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6  | Nâng cao số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ             | Phấn đấu đến năm 2030 có 70% giảng viên có trình độ tiến sĩ, trong đó có giảng viên được đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài |
| 7  | Tăng cường năng lực ngoại ngữ của cán bộ, giảng viên         | 90% cán bộ, GV đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định                                                                      |
| 8  | Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm              | 100% giảng viên được bồi dưỡng, cập nhật chuyên môn định kỳ                                                           |
| 9  | Đánh giá chất lượng công việc, năng lực giảng viên và cán bộ | Thực hiện định kỳ hằng năm                                                                                            |

### **3.2.3. Giải pháp thực hiện**

1) Tổ chức rà soát, hoàn thiện và triển khai Đề án vị trí việc làm trên cơ sở đánh giá nhiệm vụ, khối lượng công việc và yêu cầu đổi mới của đội ngũ giảng viên; thực hiện đánh giá chất lượng công việc định kỳ hằng năm.

2) Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2040 bảo đảm phù hợp yêu cầu phát triển Nhà trường.

3) Thực hiện tuyển dụng theo kế hoạch hằng năm, ưu tiên thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; người có học hàm, học vị hoặc có tiềm năng nghiên cứu.

4) Cử giảng viên tham gia đào tạo NCS trong và ngoài nước; theo dõi và hỗ trợ giảng viên hoàn thành đúng tiến độ chương trình đào tạo.

5) Tổ chức các khóa bồi dưỡng tiếng Anh cho cán bộ, giảng viên; phấn đấu đạt chuẩn ngoại ngữ theo yêu cầu vị trí việc làm.

6) Thành lập nhóm nghiên cứu mạnh trong Khoa; khuyến khích giảng viên tham gia công bố khoa học, đề tài các cấp.

7) Cử giảng viên tham gia các khóa bồi dưỡng về quản lý giáo dục, phát triển chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

## **3.3. Chiến lược công tác đào tạo, bồi dưỡng**

### **3.3.1. Mục tiêu**

1) Chỉ tiêu tuyển sinh: Giai đoạn 2026-2030 dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh hệ đại học: mỗi năm 20-30 sinh viên ngành GDCT; 50-60 sinh viên ngành GDCTD chính quy; hệ cao học: mỗi năm tuyển sinh từ 5-7 học viên.

2) Đổi mới hình thức, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực người học.

3) Phát triển năng lực giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh cho giảng viên.

4) Hằng năm biên soạn tài liệu bồi dưỡng và tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng theo kế hoạch của Nhà trường.

5) Thực hiện chuyển đổi số, xây dựng, giảng dạy các học phần theo hình thức E-learning theo quy định.

6) Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Khoa theo hướng chú trọng đánh giá chất lượng chuyên môn của giảng viên.

### **3.3.2. Nội dung, chỉ tiêu thực hiện**

| <b>TT</b> | <b>Nội dung chiến lược</b>                                                                    | <b>Chỉ tiêu thực hiện đến 2030</b>                                                              |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Mở rộng thị trường tuyển sinh trong nước và phối hợp với Nhà trường thu hút sinh viên quốc tế | Quy mô đào tạo từ 300-320 SV, trong đó có 1-2 SV quốc tế                                        |
| 2         | Đánh giá hiệu quả công tác tuyển sinh                                                         | Tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan hằng năm                            |
| 3         | Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học                                                         | 100% học phần triển khai bằng phương thức kết hợp: trực tiếp, trực tuyến, hoạt động ngoài lớp   |
| 4         | Bồi dưỡng năng lực tiếng Anh cho giảng viên theo lộ trình                                     | Có 5% giảng viên đủ năng lực giảng dạy một số học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh              |
| 5         | Tăng cường xây dựng và giảng dạy E-learning                                                   | 30% học phần được xây dựng, thẩm định và tổ chức bằng hình thức E-learning                      |
| 6         | Biên soạn tài liệu và tham gia bồi dưỡng cho giảng viên, giáo viên phổ thông                  | - 100% chuyên đề được giao có tài liệu<br>- 50% giảng viên tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng |
| 7         | Rà soát CTĐT đại học và sau đại học                                                           | Thực hiện rà soát 2 năm/lần theo quy định                                                       |
| 8         | Tăng cường hoạt động dự giờ, đánh giá chất lượng giảng dạy của GV                             | 100% giảng viên được dự giờ, đánh giá giờ giảng 2 lần/năm                                       |

### **3.3.3. Giải pháp thực hiện**

#### **1) Về công tác tuyển sinh:**

+ Đa dạng hoá hoạt động truyền thông tuyển sinh đại học và sau đại học thông qua website, tờ rơi, mạng xã hội, email và tư vấn trực tiếp.

+ Tăng cường phối hợp với các trường ĐH, học viện, trường phổ thông để tạo mạng lưới liên kết hỗ trợ tuyển sinh và bồi dưỡng giáo viên.

#### **- Về đào tạo và phương pháp giảng dạy:**

+ Rà soát, cập nhật phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại vào đề cương môn học; mở rộng các hình thức dạy học tích hợp, thực hành, trải nghiệm.

+ Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy qua dự giờ định kỳ và đột xuất; kiểm tra hồ sơ chuyên môn để nâng cao kỹ cương học thuật.

#### **2) Về phát triển đội ngũ:**

+ Triển khai kế hoạch bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho giảng viên, tạo điều kiện tham gia các khóa học và giao nhiệm vụ học tập hằng năm; phấn đấu đến năm 2030 khoảng 30% giảng viên có thể giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh.

+ Thành lập các nhóm nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực NCKH và hỗ trợ giảng viên phát triển chuyên môn.

+ Khuyến khích giảng viên tham gia các chương trình bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy, xây dựng CTĐT, đánh giá và ứng dụng CNTT.

#### **3) Về học liệu và E-learning:**

+ Tổ chức biên soạn bài giảng E-learning theo quy định; khuyến khích giảng viên đăng ký đề tài biên soạn bài giảng hằng năm.

+ Xây dựng hệ thống bài giảng có chất lượng, được thẩm định bởi Hội đồng Nhà trường và triển khai trên nền tảng đào tạo trực tuyến.

4) Về bồi dưỡng giáo viên phổ thông: Xây dựng và triển khai kế hoạch biên soạn tài liệu; tổ chức các lớp bồi dưỡng giáo viên phổ thông theo yêu cầu của Nhà trường và cơ quan quản lý cấp trên.

### **3.4. Chiến lược công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế**

#### **3.4.1. Mục tiêu**

1) Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên, đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành, của Nhà trường và thực tiễn xã hội; thúc đẩy khả năng làm chủ, đổi mới và sáng tạo trong các hoạt động khoa học - công nghệ.

2) Khuyến khích và gia tăng số lượng công bố khoa học trên các tạp chí uy tín, đặc biệt là tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus; đẩy mạnh hoạt động đăng ký sở hữu trí tuệ của cán bộ, giảng viên.

3) Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, khuyến khích tham gia các giải thưởng nghiên cứu khoa học; thúc đẩy phong trào đổi mới sáng tạo trong sinh viên.

4) Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác về khoa học - công nghệ với các đơn vị, tổ chức trong nước nhằm hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu.

5) Tổ chức định kỳ các hội thảo, hội nghị, seminar chuyên môn gắn với các lĩnh vực và chuyên ngành đào tạo của Khoa.

6) Xây dựng môi trường học thuật cởi mở, sáng tạo và điều kiện nghiên cứu phù hợp nhằm thu hút sinh viên và học viên quốc tế đến học tập, nghiên cứu tại Khoa.

7) Phát triển năng lực hội nhập quốc tế cho đội ngũ cán bộ, giảng viên thông qua tăng cường trao đổi học thuật, đào tạo, bồi dưỡng và tham gia các hoạt động khoa học quốc tế.

#### **3.4.2. Nội dung, chỉ tiêu thực hiện**

| <b>TT</b> | <b>Nội dung chiến lược</b>                                           | <b>Chỉ tiêu thực hiện đến 2030</b>                                                                                   |
|-----------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học        | Công bố khoa học đáp ứng theo chuẩn cơ sở giáo dục đại học 0,3 bài WoS, Scopus/0,6 bài báo/giảng viên/năm            |
| 2         | Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp                 | - 1 - 2 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ hoặc tương đương.<br>- 5 - 6 nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở.                                   |
| 3         | Phát triển học liệu điện tử phục vụ chuyển đổi số của Trường         | Xây dựng 8 - 10 học phần có bài giảng E-learning đạt chuẩn.                                                          |
| 4         | Nghiên cứu khoa học của sinh viên                                    | - Hướng dẫn 30 - 40 đề tài NCKH sinh viên.<br>- Mỗi năm có 1 - 2 đề tài tham gia giải thưởng NCKH sinh viên các cấp. |
| 5         | Chuyên giao tri thức trong lĩnh vực khoa học giáo dục                | Ký kết 1 - 2 biên bản chuyên giao sản phẩm nghiên cứu khoa học.                                                      |
| 6         | Xuất bản giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học | Xuất bản 10 - 15 giáo trình, sách tham khảo hoặc chuyên khảo.                                                        |

| TT | Nội dung chiến lược                                                 | Chỉ tiêu thực hiện đến 2030                                                                                                                                                                          |
|----|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7  | Tổ chức hội thảo khoa học/Seminar                                   | - Tổ chức 3 - 5 hội thảo khoa học cấp Khoa.<br>- Tổ chức 10 seminar chuyên môn bằng tiếng Anh.                                                                                                       |
| 8  | Tăng cường sinh hoạt chuyên môn bằng tiếng Anh                      | Tổ chức ít nhất 3 buổi sinh hoạt chuyên môn bằng tiếng Anh theo lộ trình của Khoa.                                                                                                                   |
| 9  | Phát triển mạng lưới khoa học phục vụ đào tạo và NCKH               | - Ký kết hợp tác với ít nhất 01 trường phổ thông/cơ sở đào tạo/viện nghiên cứu.<br>- Tổ chức 1-2 seminar/năm với đối tác<br>- Mời nhà khoa học (học hàm GS/PGS) tham gia hoạt động học thuật mỗi năm |
| 10 | Nâng cao năng lực công bố quốc tế trong nghiên cứu khoa học cho GV. | 100% GV tham gia các khóa bồi dưỡng kỹ năng viết báo khoa học quốc tế.                                                                                                                               |

### 3.4.3. Giải pháp thực hiện

#### 1) Về tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học:

+ Thành lập và duy trì các nhóm nghiên cứu khoa học cấp Khoa theo từng lĩnh vực chuyên môn;

+ Tăng cường tổ chức tập huấn kỹ năng nghiên cứu: viết bài báo khoa học, công bố quốc tế ISI/Scopus, thiết kế - triển khai đề xuất nhiệm vụ KHCN.

- Về công bố khoa học và khuyến khích nghiên cứu:

+ Xây dựng cơ chế khuyến khích giảng viên công bố quốc tế thông qua chính sách: tính điểm thi đua, khen thưởng, xét lương tăng thêm...

+ Phối hợp với đơn vị trong và ngoài trường tổ chức các lớp bồi dưỡng viết bài báo quốc tế, viết đề xuất dự án cho GV.

#### 2) Về xây dựng học liệu số và E-learning:

+ Đẩy mạnh biên soạn, xây dựng bài giảng E-learning; hỗ trợ giảng viên đăng ký đề tài bài giảng số theo kế hoạch NCKH của Nhà trường;

+ Tổ chức thẩm định nội bộ trước khi nghiệm thu ở cấp trường nhằm nâng cao chất lượng học liệu số.

#### 3) Về hợp tác và chuyển giao tri thức:

+ Xây dựng kế hoạch và nội dung hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, trường phổ thông trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức giáo dục.

+ Khuyến khích giảng viên tham gia hội thảo, đề tài phối hợp, các chương trình hợp tác nghiên cứu trong nước.

4) Tăng cường các seminar chuyên ngành định kỳ, mời chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài trường tham gia để nâng cao năng lực nghiên cứu và mở rộng hợp tác.

5) Về hoạt động học thuật và hội thảo khoa học:

+ Xây dựng kế hoạch tổ chức hội thảo khoa học cấp Khoa hằng năm; chủ động tìm kiếm đối tác tham gia;

+ Tăng cường các seminar, sinh hoạt chuyên môn (đặc biệt bằng tiếng Anh) nhằm nâng cao năng lực học thuật và hội nhập.

### **3.5. Chiến lược công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục**

#### **3.5.1. Mục tiêu**

1) Tham gia xây dựng và góp ý các văn bản liên quan đến khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo và cơ chế quản trị đại học.

2) Rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo và đề cương học phần theo hướng đa dạng hóa phương thức đánh giá, đảm bảo phù hợp chuẩn đầu ra và phát triển năng lực toàn diện cho người học.

3) Nâng cao chất lượng bộ đề thi và ngân hàng câu hỏi; cập nhật theo chu kỳ và đảm bảo đánh giá đúng năng lực người học.

4) Hoàn thiện các hình thức đánh giá kết quả học tập trong đề cương học phần theo hướng khoa học, công bằng và minh bạch.

5) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong khảo sát, thu thập và phân tích ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

6) Thực hiện tự đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo theo chuẩn của Bộ GD&ĐT, đảm bảo cải tiến liên tục và nâng cao vị thế của Khoa.

7) Đảm bảo tối thiểu 75% các bên liên quan hài lòng với các hoạt động dịch vụ, hỗ trợ và kết nối cộng đồng của Khoa.

#### **3.5.2. Nội dung, chỉ tiêu thực hiện**

| TT | Nội dung chiến lược                                                  | Chỉ tiêu thực hiện đến 2030                         |
|----|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 1  | Đóng góp xây dựng văn bản về khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục | 100% văn bản được cán bộ, giảng viên tham gia góp ý |

| TT | Nội dung chiến lược                                                                                                                               | Chỉ tiêu thực hiện đến 2030                                                                                                                                                                                                          |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | Nâng cao chất lượng ngân hàng đề thi các học phần các chương trình đào tạo                                                                        | 100% ngân hàng câu hỏi được rà soát, điều chỉnh theo chu kỳ                                                                                                                                                                          |
| 3  | Rà soát, cập nhật CTĐT cử nhân GDCT, GDCT và chương trình thạc sĩ                                                                                 | 100% CTĐT, đề cương các học phần của các CTĐT được điều chỉnh theo chu kỳ                                                                                                                                                            |
| 4  | Tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT cử nhân sư phạm GDCT, GDCT                                                                                     | Hoàn thành tự đánh giá và đánh giá ngoài các CTĐT theo lộ trình                                                                                                                                                                      |
| 5  | Tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT thạc sĩ                                                                                                        | Hoàn thành tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT thạc sĩ theo lộ trình                                                                                                                                                                  |
| 6  | Bồi dưỡng năng lực trợ lý khảo thí                                                                                                                | 1-2 lượt tham gia tập huấn/năm                                                                                                                                                                                                       |
| 7  | Mức độ hài lòng của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và người học tốt nghiệp hài lòng về tổng thể quá trình học tập và trải nghiệm | <p>- Tỷ lệ người học hài lòng về chất lượng và hiệu quả của hoạt động giảng dạy của giảng viên đạt từ 75% trở lên.</p> <p>- Tỷ lệ người học tốt nghiệp hài lòng về tổng thể quá trình học tập và trải nghiệm đạt từ 75% trở lên.</p> |

### 3.5.3. Giải pháp thực hiện

1) Triển khai đồng bộ và hiệu quả các văn bản quy định của Trường, của Đại học Thái Nguyên và Bộ GD&ĐT về khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục.

2) Rà soát, cập nhật và hoàn thiện quy định đánh giá kết quả học tập đối với các hệ đào tạo trên cơ sở chuẩn đầu ra.

3) Xây dựng, cập nhật và điều chỉnh ngân hàng đề thi đảm bảo đánh giá đúng năng lực người học, phù hợp từng học phần.

4) Điều chỉnh chương trình đào tạo và đề cương học phần theo hướng tăng cường các hình thức đánh giá trực tiếp, đánh giá quá trình và đánh giá năng lực thực tiễn.

5) Tổ chức tự đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT; thực hiện cải tiến chất lượng theo khuyến nghị sau đánh giá ngoài.

6) Chuẩn hóa hệ thống phiếu khảo sát; ứng dụng CNTT vào khảo sát và phân tích phản hồi của bên liên quan.

7) Tăng cường giám sát việc triển khai các kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm khắc phục các hạn chế theo báo cáo tự đánh giá.

8) Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực cho trợ lý ĐBCLGD, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

9) Xây dựng kế hoạch và thực hiện số hóa toàn bộ hệ thống văn bản đảm bảo chất lượng, bảo đảm tính khoa học, cập nhật và dễ tiếp cận

### **3.6. Chiến lược công tác người học**

#### **3.6.1. Mục tiêu**

1) Nâng cao nhận thức chính trị, trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên, góp phần hình thành bản lĩnh chính trị, lý tưởng cách mạng, lối sống lành mạnh.

2) Xây dựng môi trường học tập, rèn luyện năng động, thúc đẩy phong trào thi đua học tập, nuôi dưỡng khát vọng lập thân, lập nghiệp và năng lực hội nhập quốc tế cho người học.

3) Tăng cường hiệu quả tư vấn và hỗ trợ sinh viên trong toàn bộ quá trình học tập, nghiên cứu khoa học, hướng nghiệp và sau tốt nghiệp.

4) Phát triển mạnh mẽ hoạt động kết nối cựu sinh viên, hình thành mạng lưới hỗ trợ Khoa trong đào tạo, nghiên cứu và tuyển dụng.

#### **3.6.2. Nội dung, chỉ tiêu thực hiện**

| <b>TT</b> | <b>Nội dung chiến lược</b>                                    | <b>Chỉ tiêu thực hiện đến 2030</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Nâng cao nhận thức chính trị cho sinh viên                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử sinh viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề về tư tưởng, đạo đức, lối sống và mục tiêu phát triển cá nhân.</li> <li>- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục chính trị - tư tưởng.</li> <li>- Phối hợp đơn vị liên quan tổ chức hoạt động truyền thông cho SV.</li> </ul> |
| 2         | Nâng cao ý thức trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội | Cử sinh viên tham gia các hoạt động bồi dưỡng, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; tham gia hoạt động tuyên truyền pháp luật, an toàn giao thông, xét xử lưu động...                                                                                                                                       |

| TT | Nội dung chiến lược                                                                       | Chỉ tiêu thực hiện đến 2030                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3  | Xây dựng môi trường thi đua học tập, rèn luyện, nuôi dưỡng hoài bão và tinh thần hội nhập | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% sinh viên tham gia các hoạt động phát triển kỹ năng mềm, tập huấn Đoàn – Hội.</li> <li>- Tổ chức đa dạng hoạt động văn hóa, thể thao, tình nguyện, vệ sinh môi trường, hoạt động vì cộng đồng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 4  | Tăng cường kết nối cựu sinh viên                                                          | Tổ chức Hội nghị mạng lưới cựu sinh viên; hội thảo chia sẻ, kết nối đóng góp xây dựng Khoa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 5  | Tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong và sau quá trình học                                       | 100% sinh viên được tư vấn học tập, nghề nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 6  | Cung cấp đầy đủ thông tin học tập, rèn luyện và các hoạt động của nhà trường              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% người học được cung cấp thông tin về CTĐT, chuẩn đầu ra, quy định, hình thức đánh giá...</li> <li>- 80% người học hài lòng với chất lượng các hoạt động của nhà trường</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 7  | Tổ chức hoạt động chuyên môn, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức các cuộc thi chuyên môn: thiết kế bài giảng E-learning, thi giảng, NVSP...</li> <li>- Cử SV tham gia tập huấn khởi nghiệp, ngày hội việc làm, kết nối doanh nghiệp.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 8  | Sinh viên tốt nghiệp và sinh viên thôi học                                                | <p>Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và tỉ lệ sinh viên thôi học đảm bảo theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ thôi học không cao hơn 10% đối với tất cả các hệ đào tạo, riêng đối với người học năm đầu không cao hơn 15%.</li> <li>- Tỷ lệ tốt nghiệp hằng năm không thấp hơn 80%, trong đó tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn không thấp hơn 70%.</li> <li>- Tỷ lệ người học tốt nghiệp đại học có việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo, tự tạo việc làm hoặc học tiếp trình độ cao hơn trong thời gian 12 tháng sau khi tốt nghiệp, không thấp hơn 70%.</li> </ul> |

| TT | Nội dung chiến lược                                | Chỉ tiêu thực hiện đến 2030                                                                    |
|----|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9  | Sinh viên chính quy xếp loại rèn luyện             | 95% sinh viên chính quy xếp loại rèn luyện từ khá trở lên                                      |
| 10 | Sinh viên chính quy xếp loại tốt nghiệp            | 80% sinh viên chính quy xếp loại tốt nghiệp từ khá trở lên                                     |
| 11 | Tăng cường quản lý hoạt động học tập của người học | Theo dõi, cập nhật tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình của người học |

### 3.6.3. Giải pháp thực hiện

1) Tăng cường giáo dục chính trị - tư tưởng, triển khai hiệu quả tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, đầu năm; tổ chức sinh hoạt chuyên đề định hướng học tập và rèn luyện cho sinh viên trong toàn khóa.

2) Phối hợp chặt chẽ với Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, câu lạc bộ kỹ năng, hoạt động tình nguyện, đảm bảo tạo môi trường phát triển toàn diện cho người học; khuyến khích sinh viên tham gia hoạt động chính trị - xã hội.

3) Phát huy vai trò mạng lưới cựu sinh viên, thiết lập các kênh liên lạc ổn định, duy trì hoạt động trao đổi, chia sẻ thực tiễn nghề nghiệp và hỗ trợ Khoa trong công tác đào tạo, hướng nghiệp.

4) Tăng cường truyền thông và hỗ trợ học tập thông qua giảng viên, đặc biệt trong việc cung cấp thông tin về CTĐT, chuẩn đầu ra, quy chế học tập, cơ hội việc làm và các hoạt động phát triển kỹ năng mềm.

## Phần 4

### TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2040

#### 4.1. Mục tiêu chiến lược phát triển giai đoạn 2030 - 2040

- Xây dựng Khoa trở thành đơn vị đào tạo - nghiên cứu có uy tín cao trong lĩnh vực GDCT, GDCTD trên phạm vi cả nước và từng bước khẳng định vị thế khu vực.
- Phát triển đội ngũ chuyên gia, giảng viên có trình độ cao, có khả năng hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số.
- Tăng cường đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp dạy học, đa dạng hóa loại hình đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội.
- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, tạo hệ sinh thái học thuật mở, sáng tạo và kết nối rộng rãi.
- Hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng, hướng đến tự chủ, minh bạch, chuẩn hóa theo các bộ tiêu chuẩn kiểm định trong nước và quốc tế.
- Xây dựng môi trường học tập, rèn luyện toàn diện - hiện đại - nhân văn, phát huy tối đa vai trò người học và mạng lưới cựu sinh viên.

#### 4.2. Chiến lược phát triển đến năm 2040

##### 4.2.1. Công tác tổ chức bộ máy và đội ngũ

- Xây dựng tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, linh hoạt, tự chủ, thích ứng nhanh với yêu cầu mới của hệ thống giáo dục đại học.
- Phát triển đội ngũ giảng viên theo định hướng chuẩn hóa - quốc tế hóa - chuyên sâu, tăng tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ và học hàm PGS.
- Phát triển nguồn nhân lực quản lý giáo dục chất lượng cao, có khả năng lãnh đạo đổi mới và quản trị hiện đại.
- Hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển của Trường.
- Thực hiện chuyển đổi số trong đánh giá, giám sát và phát triển đội ngũ.

##### 4.2.2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng

- Hoàn thiện hệ sinh thái đào tạo theo hướng mở - linh hoạt - số hóa, đa dạng hóa loại hình đào tạo (trực tiếp, trực tuyến, kết hợp, đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng chuyên đề...).
- Triển khai chương trình đào tạo theo định hướng chuẩn đầu ra quốc tế, tăng cường các học phần bằng tiếng Anh.

- Xây dựng đội ngũ giảng viên có khả năng giảng dạy song ngữ, đảm nhiệm các học phần tích hợp quốc tế.

- Tăng cường xây dựng học liệu mở, học liệu số, áp dụng công nghệ số trong thực hiện bài giảng E-learning.

- Phát triển các chương trình bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu xã hội, tăng cường liên kết với các trường phổ thông, sở giáo dục và đối tác trong và ngoài nước.

- Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá theo hướng đánh giá năng lực, minh bạch, liên tục và đa phương thức.

#### ***4.2.3. Công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế***

- Phát triển nghiên cứu khoa học trở thành trụ cột cốt lõi; tăng số lượng và chất lượng các công bố quốc tế.

- Xây dựng nhóm/đơn vị nghiên cứu trọng điểm trong lĩnh vực Khoa học giáo dục, GDCT, GDCTD và ứng dụng CNTT trong giáo dục.

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế sâu rộng: tham gia các mạng lưới nghiên cứu, hội thảo quốc tế, dự án hợp tác học thuật.

- Tăng cường hoạt động chuyển giao tri thức cho hệ thống giáo dục phổ thông, sở GD&ĐT, viện nghiên cứu và đối tác xã hội.

- Phát triển môi trường học thuật mở, khuyến khích đổi mới sáng tạo của sinh viên và giảng viên.

- Xây dựng các chương trình nghiên cứu liên ngành, kết nối với các lĩnh vực xã hội - kinh tế - văn hóa.

#### ***4.2.4. Công tác khảo thí, bảo đảm chất lượng giáo dục***

- Hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa, kết nối dữ liệu toàn Trường.

- Từng bước áp dụng các tiêu chuẩn đánh giá và kiểm định khu vực và quốc tế.

- Đổi mới minh bạch hóa toàn bộ quy trình đánh giá người học, tăng cường đánh giá năng lực và đánh giá số.

- Phát triển ngân hàng đề thi theo hướng chuẩn hóa, thích ứng công nghệ AI và chuyển đổi số.

- Tăng cường đánh giá sự hài lòng của người học, nhà tuyển dụng và các bên liên quan; liên tục cải tiến chất lượng.

- Phát triển đội ngũ cán bộ khảo thí chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa quản trị đại học.

#### ***4.2.5. Công tác người học***

- Xây dựng môi trường giáo dục toàn diện - hiện đại - sáng tạo, đảm bảo người học phát triển năng lực nghề nghiệp, phẩm chất chính trị và tư duy hội nhập.
- Tăng cường các mô hình hỗ trợ người học: tư vấn học tập, hướng nghiệp, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, việc làm và phát triển kỹ năng.
- Tạo hệ sinh thái học tập gắn kết giữa nhà trường - giảng viên - sinh viên - cựu sinh viên - doanh nghiệp - cộng đồng.
- Đẩy mạnh hoạt động trải nghiệm, thực tế, hội nhập quốc tế và tham gia các phong trào học thuật quy mô lớn.
- Phát triển mạnh mẽ mạng lưới cựu sinh viên trở thành nguồn lực hỗ trợ chiến lược cho đào tạo, nghiên cứu và việc làm.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ và dữ liệu số để dự báo, theo dõi và tư vấn sự phát triển của người học trong suốt quá trình học tập và sau tốt nghiệp.

**Phần 5****TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa Giáo dục Chính trị giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2040 là định hướng tổng quát, bao gồm các mục tiêu trọng tâm và hệ thống giải pháp có tính lâu dài nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của Khoa. Việc tổ chức triển khai và đánh giá quá trình thực hiện chiến lược đóng vai trò đặc biệt quan trọng, góp phần bảo đảm hoàn thành sứ mạng, hiện thực hóa tầm nhìn và nâng cao vị thế của Khoa trong hệ thống giáo dục đại học.

Để thực hiện hiệu quả các mục tiêu đã đề ra, đòi hỏi sự thống nhất trong chỉ đạo, tinh thần trách nhiệm và nỗ lực không ngừng của tập thể lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ, giảng viên trong Khoa. Theo đó, các nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức thực hiện gồm:

- Quán triệt, phổ biến và tuyên truyền Kế hoạch chiến lược đến toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên cao học và các bên liên quan nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động.

- Cụ thể hóa Kế hoạch chiến lược theo từng năm học; các bộ môn xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết, phù hợp với chức năng và điều kiện thực tế của bộ môn.

- Hằng năm tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chiến lược, đồng thời xây dựng kế hoạch hành động cho năm học tiếp theo, bảo đảm tính liên thông và phù hợp với chiến lược phát triển chung của Khoa và Nhà trường.

- Định kỳ rà soát, đối chiếu và đánh giá Kế hoạch chiến lược, từ đó kịp thời điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu và nhiệm vụ phù hợp với bối cảnh thực tiễn. Kết quả thực hiện và các kiến nghị sẽ được báo cáo Nhà trường để xem xét, hỗ trợ và chỉ đạo.

**TRƯỞNG KHOA****HIỆU TRƯỞNG DUYỆT****TS. Nguyễn Thị Khương****PGS.TS Mai Xuân Trường**